

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 08/01/2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chon

Các Thẩm phán: Ông Phạm Sanh Hiền

Bà Hoàng Thị Thu Hường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trang Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Do bản án hôn nhân sơ thẩm số: 256/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thủy T**, sinh năm 1998. Địa chỉ: **Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang**. Có mặt

- Bị đơn: Anh **Thái Tân T1**, sinh năm 1996. Địa chỉ: **Ấp B, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang**. Có đơn xin vắng mặt

Người kháng cáo: Chị **Trương Thủy T** là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trương Thủy T trình bày:

Hôn nhân của vợ chồng chị là do tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào tháng 8/2015, nhưng chưa đăng ký kết hôn. Kết hôn được bốn năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị phát hiện anh **T1** qua lại và có 01 đứa con trai với 01 người con gái khác trong thời gian chung sống với chị. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh **T1**. Trong quá trình chung sống chị và anh **T1** có 01 con

chung tên **Trương Ngọc Q** sinh ngày 12/9/2015. Hiện nay con đang sống với chị **T** tại **ấp T, G, C, Kiên Giang**, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, buộc anh **T1** cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 đồng/tháng. Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Thái Tân T1 trình bày:**

Đối với vấn đề hôn nhân, anh **T1** xác định anh chị kết hôn có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Về con chung, đồng ý giao cháu **Trương Ngọc Q** sinh ngày 12/9/2015 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng, anh thạc không đồng ý. Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1000.000 đồng. Vì thu nhập chính của anh là lương công chức (hệ số lương 4.2), trừ chi phí cá nhân, cấp dưỡng, tôi còn lo cho cha mẹ già. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 256/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của **Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị **Trương Thủy T** và anh **Thái Tân T1** là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên **Trương Ngọc Q**, sinh ngày 12/9/2015 cho chị **Trương Thủy T** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, anh **T1** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 01 triệu đồng cho đến khi cháu **Q** đủ 18 (mười tám) tuổi (trừ trường hợp thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng theo quy định của pháp luật). Anh **T1** có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, chị **Trương Thủy T** kháng cáo với nội dung: Yêu cầu tòa cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc anh **T1** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị **Trương Thủy T** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đề ngày 31/7/2023 anh **Thái Tân T1** có ý kiến, đồng ý cấp dưỡng cho cháu **Trương Ngọc Q**, sinh ngày 12/9/2015 mỗi tháng 2000.000đ đến khi cháu đủ 18 tuổi, yêu cầu gia đình chị **T** không làm khó khi anh rước về gia đình chơi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng

dân sự đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị **Trương Thủy T**, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản và nợ chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Xét kháng cáo của chị **Trương Thủy T** yêu cầu anh **Thái Tân T1** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Phía anh **T1** đã có ý kiến cung cấp trong hồ sơ vụ án là đồng ý theo yêu cầu của chị **Thủy T**, đồng ý cấp dưỡng cho cháu **Trương Ngọc Q**, sinh ngày 12/9/2015 mỗi tháng 2.000.000đ đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, cấp sơ thẩm đã xử buộc anh **Thái Tân T1** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm chị **T** kháng cáo yêu cầu cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ và anh **T1** cũng có ý kiến đồng ý với yêu cầu của chị **T**. Xét yêu cầu, ý kiến của các bên đã thống nhất với nhau về mức cấp dưỡng, sự thống nhất này là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng theo yêu cầu và ý kiến của các đương sự.

Từ những nhận định trên, trong nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận kháng cáo của chị **T** về việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ, sửa bản án hôn nhân sơ thẩm, việc sửa án sơ thẩm do lỗi khách quan.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Chị **Trương Thủy T** không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của chị **Trương Thủy T** về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 256/2023/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị **Trương Thủy T** và anh **Thái Tân T1** là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên **Trương Ngọc Q**, sinh ngày 12/9/2015 cho chị **Trương Thủy T** tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành.

Anh **T1** có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung không ai có quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh **Thái Tân T1** cấp dưỡng nuôi cháu **Trương Ngọc Q**, sinh ngày 12/9/2015 mỗi tháng 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), cấp dưỡng theo tháng cho đến khi cháu **Q** đủ 18 (mười tám) tuổi.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Chị **Trương Thủy T** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003498 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho chị **Trương Thủy T** 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008177 ngày 30/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Giồng Riềng;
- THA dân sự huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thị Chon